

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2024

V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi  
ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

**Các Hội thẩm nhân dân:** - Ông Bùi Khắc Thái.

- Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐ-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Quách Thị D, sinh năm 1992.**

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Gi huyện Gi, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1984.**

Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị D có mặt; anh Tr vắng mặt).

**NỘI D VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2024, bản tự khai nguyên đơn Chị Quách Thị D trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và anh Nguyễn Xuân Tr có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh

Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cưới anh chị sinh sống tại thôn 4, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Sau khi nộp đơn khởi kiện chị D chuyển về sinh sống tại thôn Bích Sơn, xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình còn anh Tr vẫn sinh sống tại thôn 4, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nay chị D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Tr để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị D xác định chị và anh Nguyễn Xuân Tr có 02 con chung là các cháu Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 10/02/2011 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/6/2014. Hiện cả 02 cháu Chính và Ly đang ở với anh Tr. Nếu ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ly còn anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chính cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Nguyễn Xuân Tr: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2024, anh Tr xác định thời điểm kết hôn và chung sống như đúng như chị D trình bày. Tuy nhiên, anh Tr xác định sau khi cưới vợ chồng anh sống hạnh phúc được 14 năm đến đầu năm 2024, chị D thường có biểu hiện đau đầu, vợ chồng chỉ có va chạm nhỏ và chị D đã ra ngoài thuê nhà ở. Anh Tr đã tìm đến nói chuyện nhưng chị D lảng tránh, ngày nghỉ chị D vẫn về thăm con. Nay chị D xin ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì anh còn tình cảm với chị D, anh không muốn con cái phải chịu khổ, thiếu thốn tình cảm. Tr hợp chị D cương quyết xin ly hôn với anh thì anh vẫn không đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân Tr xác định anh và chị D có 02 con chung là các cháu Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 10/02/2011 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/6/2014. Hiện cả 02 cháu Chính và Ly đang ở với anh. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến cháu Nguyễn Văn Ch: Cháu xin được ở với bố.

Ý kiến cháu Nguyễn Khánh L: Cháu xin được ở với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết theo quy định. Do bị đơn không đến tham gia các phiên hòa giải nên vụ án thuộc Tr hợp không tiến hành hòa giải được, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội D.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Quách Thị D. Xử lý hôn giữa Chị Quách Thị D và anh Nguyễn Xuân Tr.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 10/02/2011 cho anh Nguyễn Xuân Tr trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/6/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. *Về án phí ly hôn:* Chị Quách Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Xuân Tr: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Tr theo quy tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt trực tiếp cho anh Tr theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Tr của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Tr vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. **Về nội D:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

### **[2.1]. Về hôn nhân:**

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Quách Thị D và anh Nguyễn Xuân Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bản thân anh Tr không muốn ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, khi Tòa án báo gọi hòa giải anh cũng không đến tham gia. Thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh Tr là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị Quách Thị D và anh Nguyễn Xuân Tr có hai con chung là các cháu Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 10/02/2011 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/6/2014. Hiện cả 02 cháu Chính và Ly đang ở với anh Tr. Nguyên vọng của chị D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ly còn anh Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chính. Ý kiến cháu Chính cũng muốn được ở với bố còn cháu Ly xin ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Ly là con gái còn nhỏ cũng có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Chính là con trai, có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cho các

cháu cũng như nguyện vọng của các bên nên giao cháu Ly cho chị D, giao cháu Chính cho anh Tr được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Quách Thị D phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho Chị Quách Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 10/02/2011 cho anh Nguyễn Xuân Tr tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 16/6/2014 cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

*Trong Tr hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Quách Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001216 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

**4. Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hương Quỳnh**